

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-PT
Ngày 10-9-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tặng
cho tài sản có điều kiện.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm

Ông Vi Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021, về việc Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐ-PT ngày 01/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Thị Quỳnh H là Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Hữu Th, sinh năm 1964. Có mặt

2. Anh Dương Anh T, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1973. Vắng mặt

4. Ông Trần Văn Nh, sinh năm 1968. Vắng mặt

5. Ông Trần Văn M, sinh năm 1956. Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

6. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện ông Dương Công Ch, Chủ tịch UBND xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Dương Hữu Kh, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

2. Chị Dương Thị S, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

3. Anh La Văn Đ. Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

Người kháng cáo bà Trần Thị V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị Đ là chị gái ruột của bà Trần Thị V. Khoảng tháng 10 năm 2010 bà đi xuống bệnh viện đa khoa Trung ương T khám bệnh, nằm tại khoa sản của bệnh viện đa khoa T 01 tuần, chuyển sang khoa U bướu điều trị 01 tuần, sau đó mới phát hiện bị ung thư tử cung nên bà phải chuyển xuống bệnh viện K Hà Nội điều trị khoảng 03 tháng đến ngày 11/01/2011 bà được xuất viện. Do bị mắc bệnh hiểm nghèo bà nghĩ mình sắp chết, do bà không lấy chồng, khác ở một mình, nên lúc đó có bà Trần Thị V là em gái ruột của bà đã nhận sẽ có trách nhiệm chăm sóc bà, khi bà chết sẽ lo hậu sự (mai táng) cho bà, bà V sẽ được hưởng các tài sản của bà. Vào ngày 05/6/2011 bà có viết Di chúc có chứng kiến của các anh em ruột trong gia đình và sau đó bà tiếp tục lập một bản Di chúc (Có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã V đề ngày 11/7/2011). Nội dung 02 bản Di chúc ghi: “*Bà Đ sẽ giao cho em gái là bà Trần Thị V và em rể là ông Dương Hữu Th 01 (một) nhà ba gian, 01 (một) mảnh vườn số thửa 312, tờ bản đồ 52, diện tích 833m² tại thôn Vũ Lâm, xã Vũ Lễ cùng một số tài sản khác; bà Trần Thị V và ông Dương Hữu Th có trách nhiệm lo liệu các công việc sau này, nếu bà Đ qua đời phải lo ma chay, lo 40 ngày, lo 100 ngày, lo 03 năm, phải thờ phụng hương khói mãi mãi*”.

Sau khi đi điều trị ở Viện K Hà Nội về thì bà vẫn ở tại nhà riêng của bà, do bà và bà Trần Thị V đã có thỏa thuận với nhau về việc chăm sóc, nên đến năm 2017 bà và vợ chồng bà Trần Thị V đã thống nhất bán nhà và đất của bà tại thôn

Vũ Lâm, xã V, huyện B cho bà về nhập khẩu chung với gia đình nhà bà Trần Thị V, đồng thời vợ chồng bà V đã xây cho bà một căn nhà ở cạnh nhà bà V (xây trên đất của vợ chồng bà V).

Quá trình sống ở cạnh nhau từ tháng 10 năm 2017 đến cuối năm 2019 chị em vẫn bình thường, bà khác ăn, khác sinh hoạt riêng, nhưng bà Trần Thị V bắt bà phải đưa tiền bà đi chợ buôn bán được đưa cho bà V, bà không đưa nên bà V không hài lòng và xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 01 năm 2020, hai bên xảy ra cãi chửi nhau, bà V đã xây bít cửa sổ, lối đi và cắt nước không cho bà dùng chung, đồng thời đuổi bà ra khỏi nhà, không cho bà ở cạnh nhà bà V nữa, nhiều lần chồng bà V là anh Dương Hữu Th và con là Dương Văn T vác dao, gây dọa đánh bà, do vậy bà yêu cầu bà Trần Thị V phải trả lại các tài sản cho bà để bà đi ở chỗ khác, tự lo cuộc sống của mình, bao gồm các khoản tiền bán nhà, đất và các tài sản khác với tổng số tiền là 675.000.000đ (sáu trăm bảy mươi năm triệu đồng). Cụ thể từ lúc bà bị bệnh đến trước khi hai bên xảy ra mâu thuẫn, bà đã giao các tài sản cho bà Trần Thị V gồm:

1. Tiền gửi ngân hàng rút về + vốn đi chợ: 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng);
2. Tiền bán nhà và đất: 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng);
3. Tiền bán 07 con lợn (khi đi viện): 22.400.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng);
4. Tiền bán 04 lứa lợn (sau khi đi viện): 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng);
5. Tiền bán 01 lứa lợn (04 con giống của chị Ván): 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng);
6. Tiền bán đôi cây: 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
7. Tiền bán xe Dream: 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng);
8. Tiền mua 02 con lợn giống: 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng);
9. Tiền cháu La Văn Đ trả (con chị gái vay): 2.000.000đ (hai triệu đồng);
10. 08 chỉ vàng 9999 trị giá mỗi chỉ vàng là 5.500.000 đồng, tổng cộng 08 chỉ là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Trần Thị V còn phải trả cho bà số tiền 444.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Tại phiên tòa, bà tiếp tục rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà Trần Thị V trả cho bà số tiền 332.500.000 đồng như bà Trần Thị V đã thừa nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị V có đơn yêu cầu phản tố, buộc bà Trần Thị Đ phải thanh toán tiền công chăm sóc 150.000.000 đồng và tiền chi phí mua thuốc, đi lại, bồi dưỡng bác sỹ là 190.000.000 đồng trong thời gian bà Trần Thị Đ đi điều trị bệnh, tổng cộng là 340.000.000 đồng, bà Trần Thị Đ không nhất trí, bà chỉ chấp nhận một phần gồm các khoản sau: Khi đi khám và điều trị

tại bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên thì bà tự đi, trong thời gian điều trị 01 tuần tại khoa U Bướu bệnh viện đa khoa trung ương Thái Nguyên, bà Trần Thị Vkhông đi chăm sóc, mà bảo cháu La Văn Đ (là con trai của chị gái ruột của bà Đ và bà V) xuống chăm sóc bà được khoảng 04 ngày, đến ngày bà được ra viện thì bà V xuống đón bà về (thời gian 01 ngày). Thời gian bà điều trị tại bệnh viện K Hà Nội từ ngày 15/10/2010 đến ngày 11/01/2011, bà V là người bỏ công sức lo thủ tục chuyển bảo hiểm và các thủ tục khác cho bà nhập viện K, đồng thời là người được đưa bà đi nhập viện và đón bà về khi ra viện. Quá trình bà điều trị tại viện K gần 03 tháng bà khác ở, khác thanh toán các khoản tiền thuốc men và các chi phí phục vụ cá nhân, bà V không phải xuống chăm sóc cũng như không phải bỏ tiền để lo chi phí cho bà, vì bà vẫn tự đi lại được, chi phí cho việc ăn uống và điều trị trong thời gian ở viện K, bà vẫn tự lo bằng khoản tiền tiết kiệm của bà, do bà là đối tượng độc thân, thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn giảm một số khoản chi phí, bà chủ yếu đi ăn cơm từ thiện ở Bệnh viện, đến khi ra viện bà V xuống thanh toán cho bà hết 7.000.000 đồng. Tính thời gian bà V bỏ công sức giúp đỡ, chăm sóc bà trong thời gian bà điều trị tại Bệnh viện K chỉ khoảng được 11 ngày công, bà nhất trí tính giá trị mỗi ngày công cho bà V là 300.000 đồng. Tại phiên tòa do bà Trần Thị Vcho rằng, được chăm sóc bà Trần Thị Đ khoảng 3000 ngày công, tính mỗi ngày công là 300.000 đồng. Bà Trần Thị Đ không nhất trí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị Vtrình bày:

Bà là em gái ruột của bà Trần Thị Đ. Bà không nhớ rõ năm nào bà Trần Thị Đ đi khám và phát hiện bị mắc bệnh ung thư tử cung, từ khi đi khám phát hiện bà Đ bị bệnh ung thư, bà là người đi chăm sóc, do bị bệnh hiểm nghèo sợ không qua khỏi nên bà Trần Thị Đ và gia đình đã thỏa thuận vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm chăm sóc và khi bà Trần Thị Đ chết vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm lo mai táng, thờ cúng suốt đời.

Bà đi chăm sóc bà Đ từ ngày bắt đầu đi điều trị bệnh. Bà thừa nhận bà Trần Thị Đ phải điều trị ở bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Nguyên khoảng 01 tuần tại khoa sản, sau đó chuyển sang khoa U bướu khoảng 01 tuần rồi chuyển đến bệnh viện K Hà Nội điều trị khoảng 03 tháng. Năm 2011, bà Đ giao các tài sản cho bà. Các bên thỏa thuận giao cho vợ chồng bà 01 (một) nhà ba gian, 01 (một) mảnh vườn số thửa 312, tờ bản đồ 52, diện tích 833m² tại thôn Vũ Lâm, xã Vũ Lễ cùng một số tài sản khác như nêu trong bản di chúc. Bà cũng đã được nhận các tài sản của bà Đ như sau: Tiền bán nhà 300.000.000đồng; tiền bán lợn khi bà Đ đi viện: 24.000.000đồng; tiền bán đôi cây bạch đàn: 6.000.000đồng; tiền bán xe máy: 500.000 đồng; tiền cháu La Văn Đ ở xóm Ph, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên trả: 2.000.000đồng. Tổng cộng số tiền bà được nhận là 332.500.000đ (Ba trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, bà Trần Thị Đ yêu cầu bà phải trả lại số tiền 332.500.000 đồng, bà Trần Thị Vkhông nhất trí, vì giữa bà và bà Đ là chị em ruột, tuy quá trình chị em sống cạnh nhau có việc xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, vợ chồng bà

không được đuổi và dọa đánh bà Đ, Bà vẫn có trách nhiệm chăm sóc bà Đ như thỏa thuận trong di chúc.

Năm 2011, bà Đ được ra viện khi đó bà Đ chưa về ở cạnh nhà bà, vẫn khác ở một mình tại nhà bà Đ, khi đó bà vẫn một mình chăm sóc lo các công việc xã hội, thôn xóm thay bà Đ những năm tiếp theo bà Đ vẫn đi viện khám điều trị bệnh bà vẫn một mình chăm sóc lo cho bà Đ. Đến năm 2017 bà Đ về ở cạnh nhà bà, nhập khẩu vào gia đình bà thỉnh thoảng bà Đ vẫn phải đi viện khám thì bà vẫn là người đưa bà Đ đi khám. Bà là người trực tiếp bỏ tiền ra mua thuốc cũng như các chi phí khám bệnh cho bà Đ. Cụ thể từ năm 2008 đến năm 2019 bà đã phải lo chi phí cho bà Đ gồm những khoản sau:

- Tiền ăn, uống, thuốc men, tiền bồi dưỡng y, bác sỹ hết: 60.000.000 đồng;
- Năm 2009 đi bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên chi tiêu hết 50.000.000đ
- Năm 2010 chi tiền thuốc và bồi dưỡng y bác sỹ hết 20.000.000 đồng
- Năm 2011 đi bệnh viện Thái Nguyên và viện Hà Nội chi hết 30.000.000 đồng
- Năm 2012 đi viện hết 10.000.000 đồng
- Năm 2013 đi viện hết 5.000.000 đồng
- Năm 2014 đi viện hết 10.000.000 đồng
- Năm 2018-2019 đi viện hết 10.000.000 đồng
- Năm 2017 xây một căn nhà cho bà Trần Thị Đ ở hết 200.000.000 đồng.

Do bà Đ yêu cầu bà phải trả lại các tài sản với tổng giá trị là 332.500.000 đồng, nên bà V yêu cầu bà Đ phải thanh toán cho bà tiền công chăm sóc từ khi bị bệnh đến lúc khỏi là 3.000 ngày công mỗi ngày 300.000 đồng nhưng bà chỉ yêu cầu bà Đ thanh toán cho bà các khoản là 150.000.000 đồng và yêu cầu bà Đ thanh toán tiền mua thuốc, bồi dưỡng bác sỹ hết 190.000.000đồng. Tổng cộng là 340.000.000đồng. Ngoài các tài liệu chứng cứ bà đã nộp cho Tòa án, hiện nay bà không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án và cũng không có các tài liệu chứng cứ gì thêm chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu Th trình bày:

Ông là chồng của bà Trần Thị V, là em rể của bà Trần Thị Đ. Ông không biết cụ thể bà Đ bị bệnh từ thời gian nào, điều trị trong thời gian bao lâu. Khi bà Đ bị bệnh giữa bà Đ với vợ chồng ông thỏa thuận vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm chăm sóc bà Đ, nếu bà Đ chết vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm lo mai tang, làm giỗ và thờ cúng suốt đời. Đối lại vợ chồng ông sẽ được quản lý, sử dụng nhà và đất của bà Đ ở thôn Vũ Lâm, xã V, huyện B và một số tài sản khác. Việc giao nhận các tài sản giữa bà Đ và bà V ông chỉ nghe bà V nói lại, còn đối với tài sản là nhà và đất mà bà Đ nhất trí giao cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng thì ông cũng biết. Ông không biết cụ thể số tiền mà bà Đ đi viện phải chi phí hết bao nhiêu, bà V chi phí hết bao nhiêu ông cũng không biết. Hiện nay bà

Đ yêu cầu vợ chồng ông phải thanh toán cho bà Đ tổng số tiền là 332.500.000 đồng thì ông không nhất trí. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M, Trần Văn Nh, bà Trần Thị Th và bà Trần Thị H đều trình bày:

Các ông, bà là anh, chị em ruột của bà Trần Thị Đ và Trần Thị V. Giữa các ông bà với bà Trần Thị Đ và Trần Thị V không có mâu thuẫn gì, anh chị em vẫn sống hòa thuận. Việc bà Trần Thị Đ khởi kiện bà Trần Thị V các ông, bà đều biết. Trước đây bà Trần Thị Đ đi công nhân về quá tuổi nên không lấy chồng, bà Đ mua được đất và nhà ở tại Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình bà Đ ở một mình vào khoảng năm 2010 phát hiện bệnh ung thư và đi chữa bệnh tại bệnh viện dã khoa Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện K Hà Nội. Bà Trần Thị V lấy chồng ở gần nhà bà Đ cách khoảng 1km, trong khi bà Đ tuổi cao, bệnh tật và không có chồng con chăm sóc; các ông, bà cũng không rõ bà Đ đề nghị được ở với bà V hay là do bà V đề nghị bà Đ ở với mình trước. Các ông bà có biết bà Đ muốn giao toàn bộ tài sản cho bà V trông coi, sau này bà Đ chết bà V có trách nhiệm chăm sóc khi ốm đau, đưa đi bệnh viện chữa bệnh, chết phải làm tang lễ, thờ cúng; sau đó bà V mới gọi tất cả các anh em ruột ra nhà bà Đ để xác thực việc này và có lập văn bản thỏa thuận, được lập thành 02 văn bản, một bản bà V cầm còn một bản hiện nay các ông bà không rõ ở đâu. Sau đó bà Trần Thị Đ nhập hộ khẩu vào nhà bà Trần Thị V. Quá trình bà Đ đi chữa bệnh bà V có đi cùng chăm sóc. Tiền bán nhà 300.000.000đ là có thật, còn các khoản tiền nuôi lợn, đi chợ, tiền bán đôi cây, tiền bán xe thì các ông, bà không biết, còn các ông, bà có nghe bà Đ nói có đưa cho bà V 08 chỉ vàng 9999 nhưng các ông bà không được tận mắt chứng kiến. Hiện nay bà Đ yêu cầu bà V trả các khoản tiền, vàng trên, các ông bà đều có ý kiến đề nghị Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có thật và giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn các ông bà không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Anh T trình bày: Anh là con trai của bà Trần Thị V và ông Dương Hữu Th. Anh có biết hiện nay bà Đ đang khởi kiện mẹ anh (bà Trần Thị V), anh không có yêu cầu gì, mọi vấn đề do mẹ anh quyết định. Việc bà Đ cho rằng, anh được sang nhà bà Đ dọa đánh bà Đ là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện ông Dương Công Ch có ý kiến: Ngày 11/7/2011, Ủy ban nhân dân xã V đã chứng thực cho bà Trần Thị Đ về việc lập di chúc. Nội dung bản di chúc: Bà Trần Thị Đ giao cho em gái là bà Trần Thị V và em rể là ông Dương Hữu Th 01 (một) nhà ba gian, 01 (một) mảnh vườn số thửa 312, tờ bản đồ 52, diện tích 833m² tại thôn Vũ Lâm, xã Vũ Lễ cùng một số tài sản khác; bà Trần Thị V và anh Dương Hữu Th có trách nhiệm lo liệu các công việc sau này, nếu bà Đ qua đời phải lo ma chay, lo 40 ngày, lo 100 ngày, lo 03 năm, phải thờ phụng hương khói mãi mãi. Việc bà Trần Thị Đ lập di chúc là hoàn toàn tự nguyện; khi lập di chúc bà Trần Thị Đ hoàn toàn minh mẫn và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự

Người làm chứng anh Dương Hữu Kh và chị Dương Thị S đều trình bày:

Anh, chị không có quan hệ anh em họ hàng hay quen biết gì với bà Trần Thị Đ và bà Trần Thị V. Năm 2017 anh Kh và anh Nguyễn Trường K (chồng chị Dương Thị S) có rủ nhau mua nhà và đất của bà Trần Thị Đ. Anh Kh và anh K đã đến nhà bà Đ hỏi, các bên thống nhất được với nhau về giá là 300.000. 000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Vào ngày 07/8/2017 anh Kh và anh K đã thanh toán cho bà Trần Thị Đ một phần tiền (tiền đặt cọc) là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), người nhận tiền trực tiếp với anh Kh và anh K là bà Trần Thị Đ, ngoài ra còn có mặt bà Trần Thị V và ông Dương Hữu Th (là em gái và em rể của bà Đ) là người chứng kiến. Vào ngày 02/02/2018 anh Kh và anh Nguyễn Trường K (chồng chị Dương Thị S) đã thanh toán cho bà Đ số tiền còn lại 200.000.000 đồng. Người nhận tiền trực tiếp với các anh là bà Trần Thị Đ, có sự chứng kiến của bà Trần Thị V và bà Trần Thị H đều là em gái của bà Trần Thị Đ. Hiện nay giữa bà Trần Thị Đ đòi bà V trả lại tiền thì anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng anh La Văn Đ trình bày:

Vào năm 2010 anh được đi xuống Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên chăm sóc bà Đ một tuần, anh không yêu cầu gì đối với công chăm sóc bà Đ. Năm 2012, anh có được vay bà Đ 2.000.000 đồng khi trả thì anh đã đưa cho bà V số tiền 2.000.000 đồng, hiện nay bà V cũng thừa nhận. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo đơn yêu cầu của bị đơn bà Trần Thị V, ngày 08 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá căn nhà mà bà Trần Thị V đã xây cho bà Trần Thị Đ ở. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định được như sau:

Đất bà Trần Thị Đ đang sử dụng có diện tích 73,8m², thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 73 bản đồ địa chính xã V, huyện B, hiện nay do ông Dương Hữu Th và bà Trần Thị V quản lý, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở nông thôn. Đất có các phía tiếp giáp và chiều dài các cạnh. (Có sơ họa kèm theo). Đất có giá trị là 1.500.000 đồng/m².

Tài sản trên đất gồm: Căn nhà vợ chồng bà Trần Thị V ông Dương Hữu Th xây dựng cho bà Trần Thị Đ ở là nhà cấp 4, diện tích 61,2m² được xây dựng vào tháng 6 năm 2017 trên một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 73 bản đồ địa chính xã V, huyện B, hiện nay do ông Dương Hữu Th và bà Trần Thị V quản lý, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở nông thôn. Ngoài căn nhà còn có công trình phụ gồm bếp và một ngăn vệ sinh có diện tích 12,6m². Căn nhà cấp 4 được xây bằng gạch ba banh, tường 110mm, bỏ trụ, trát tường bằng vữa xi măng, nền láng vữa xi măng, mái lợp tôn ép xộp, xà gồ bằng thép hộp, toàn công trình quét vôi ve, có cửa đi bằng cửa sắt xếp có bít tôn và có 4 cửa sổ khung thép bít tôn, có hoa sắt cửa sổ. Hội đồng định giá, định giá giá trị căn nhà tại thời điểm xây dựng (tháng 6 năm 2017) là 113.230.000 đồng. Giá trị tại thời điểm xây dựng bếp và ngăn vệ sinh (tháng 6 năm 2017) là 14.693.000 đồng. Tổng giá trị cả nhà và bếp là 127.923.000 đồng.

Giá trị bị hao mòn sau 04 năm sử dụng của căn nhà và bếp là 34.129.000 đồng. Giá trị còn lại là 93.794.000 đồng.

Các đồ sùng sinh hoạt gồm giường, tủ, bàn ghế v.v trong căn nhà cấp 4 là của bà Đ, bà V không yêu cầu xem xét.

Với nội dung trên, Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào các Điều luật quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bộ luật dân sự; Căn cứ vào quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ. Buộc bị đơn bà Trần Thị V phải trả cho bà Trần Thị Đ số tiền là 332.500.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Đ có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị V và ông Dương Hữu Th diện tích đất 73,8m², trên đất có một căn nhà cấp 4 diện tích, diện tích 61,2m², một bếp và ngăn vệ sinh có diện tích 12,6m² thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 73 bản đồ địa chính xã V, huyện B. *(Có bản sơ họa thửa đất kèm theo).*

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị V. Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Đ phải trả cho bà Trần Thị V số tiền công chăm sóc và chi phí tiền thuốc là 78.912.521 đồng (Bảy mươi tám triệu, chín trăm mười hai nghìn năm trăm hai mươi một đồng). Số tiền này sẽ được bù trừ vào phần nghĩa vụ trả tài sản của bà Trần Thị V đối với bà Trần Thị Đ.

Do yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị V được chấp nhận một phần để bù trừ nghĩa vụ nên bà Trần Thị V còn phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Đ số tiền là 253. 587.479 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi xuất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 05/7/2021 bà Trần Thị V, có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị V, có thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Trần Thị Đ phải trả 340.000.000 đồng tiền công

chăm sóc, tiền đi viện, tiền thuốc, tiền xây nhà cho bà Đ về ở... nhưng không bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì mới.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị V làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị V kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố, yêu cầu bà Đ phải trả số tiền 340.000.000 đồng cho bà. Việc thay đổi nội dung kháng cáo trong phạm vi xét xử phúc thẩm, nhưng không cung cấp được các căn cứ và tài liệu chứng minh phục vụ cho việc kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V.

Tuy nhiên, các đương sự không tranh chấp về đất, nhà thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 73 bản đồ địa chính xã V, huyện B, nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên bà Trần Thị Đ có trách nhiệm trả lại cho bà V và ông Thắng diện tích đất 73,8 m², thuộc một phần thửa số 16 tờ bản đồ số 73 bản đồ địa chính xã V, huyện B, là tuyên vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự, vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, đã được tổng đạt hợp lệ lần 2, một số có đơn xin xét xử vắng mặt. Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị V, yêu cầu cấp phúc thẩm xử hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố, yêu cầu bà Đ phải trả số tiền 340.000.000 đồng cho bà. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nội dung bản di chúc bà Trần Thị Đ để lại tài sản của bà cho vợ chồng bà Trần Thị V, vợ chồng bà V có trách nhiệm lo liệu các công việc, nếu bà chết thì phải có trách nhiệm lo mai táng, làm giỗ và thờ phụng bà Trần Thị Đ. Theo quy định tại Điều 611 và 643 của Bộ luật dân sự thì

di chúc chưa có hiệu lực, vì bà Trần Thị Đ vẫn còn sống. Mặt khác, mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Đ với gia đình bà Trần Thị V xảy ra đầu năm 2020, do chị em cãi chửi nhau, gia đình bà Trần Thị V đã không cho bà Đ đi chung công, bịt các cửa sổ nhà bà V đã xây cho bà Đ để ở, buộc bà Đ phải mở lối đi khác, gia đình bà V còn dọa đánh bà Trần Thị Đ. Sự việc có xác nhận của Công an viên (BL số 169). Nên bà Trần Thị Đ yêu cầu bà Trần Thị V trả lại tài sản để đi nơi khác sinh sống là có cơ sở, theo quy định tại khoản 3 Điều 462 Bộ luật dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Trần Thị Đ khởi kiện ban đầu với tổng giá trị tài sản bằng tiền là 675.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Qua các bước hòa giải và tại phiên tòa bà Trần Thị Đ đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ còn yêu cầu bị đơn trả lại với số tiền là 332.500.000 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) mà bà Trần Thị V đã thừa nhận. Do vậy, Bản án sơ thẩm xử buộc bị đơn phải trả lại số tiền 332.500.000 đồng là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị V, yêu cầu nguyên đơn bà Trần Thị Đ, phải trả số tiền công chăm sóc và tiền chi phí thuốc men, bồi dưỡng bác sỹ, tiền ăn trong những ngày nằm viện, tiền chi phí đi lại, tiền xây nhà để bà Trần Thị Đ về ở cạnh nhà của bị đơn, với tổng số tiền là 340.000.000 đồng. Bản án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, bao gồm (tiền công chăm sóc, tiền viện phí, lệ phí có hóa đơn, tiền bồi dưỡng sức khỏe (tiền ăn), tiền chi phí đi viện, tiền hao mòn căn nhà bà Trần Thị Đ đã sử dụng trong 04 năm, với tổng số tiền 78.912.521 đồng (bảy mươi tám triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng) cũng là phù hợp. Hơn nữa, đối với yêu cầu này của bà Trần Thị V, nguyên đơn bà Trần Thị Đ cũng chấp nhận không có ý kiến thắc mắc và không có kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Đ cho rằng, vì tình cảm là chị em ruột thịt, bà Trần Thị V đã có công chăm sóc trong những năm tháng bà bị ốm, nên đã rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nay bà xác định tình cảm chị em đã hết, không thể hàn gắn được nữa, nên yêu cầu bà Trần Thị V trả số tiền 332.500.000 đồng để bà dọn đến nơi ở mới, để đảm bảo ổn định cuộc sống.

[5] Từ những nhận định, phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của bà Trần Thị V, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị V là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã giải quyết là có tình, có lý, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phần nhận định tại mục [16]... *Tổng cộng bà Trần Thị Đ phải thanh toán cho bà Trần Thị V số tiền 78.912.521 đồng. Số tiền này sẽ được bù trừ vào phần nghĩa vụ của bà Trần Thị V đối với bà Trần Thị Đ. Cụ thể, bà Trần Thị V còn phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Đ số tiền 253.587.479 đồng...* Tại mục 2. phần Quyết định của Bản án đã tuyên ... "*Buộc nguyên*

đơn bà Trần Thị Đ phải trả cho bà Trần Thị V số tiền công chăm sóc và chi phí tiền thuốc là 78.912.521 đồng (Bảy mươi tám triệu, chín trăm mười hai nghìn năm trăm hai mươi một đồng). Số tiền này sẽ được bù trừ vào phần nghĩa vụ trả tài sản của bà Trần Thị V đối với bà Trần Thị Đ". Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và Quyết định như vậy là chưa đảm bảo, làm ảnh hưởng đến quyền yêu cầu và quyền thỏa thuận thi hành án, theo quy định của Luật thi hành án dân sự và có phần khó khăn cho công tác Thi hành án. Mặt khác, các đương sự trong vụ án không tranh chấp về đất, nhà thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 73 bản đồ địa chính xã V, huyện B, nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên bà Trần Thị Đ có trách nhiệm trả lại cho bà V và ông Thắng diện tích đất 73,8 m², thuộc một phần thửa số 16 tờ bản đồ số 73 bản đồ địa chính xã V, huyện B, là tuyên vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự, vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Bởi vậy, Hội đồng xét xử cần sửa một phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm, tránh trường hợp lặp lại.

[7] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra có căn cứ pháp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do sửa một phần Bản án sơ thẩm, nên bà Trần Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho bà Trần Thị V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V vì không có căn cứ.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau: Căn cứ khoản 14 Điều 26; Điều khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 158, 165; khoản 2 Điều 200; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 385; khoản 3 Điều 462; Điều 357; Điều 611 và Điều 643 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đối với yêu cầu khởi kiện:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ. Buộc bị đơn bà Trần Thị V phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ số tiền là 332.500.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị V. Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Đ phải trả cho bà Trần Thị V, số tiền công chăm sóc, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền chi phí đi viện, chi phí tiền thuốc, tiền hao mòn căn nhà; tổng cộng các khoản là 78.912.521 đồng (Bảy mươi tám triệu, chín trăm mười hai nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn, được Tòa án chấp nhận là 3.945.626 đồng (ba triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng). Xác nhận bà Trần Thị Đ đã nộp là 15.500.000 đồng, theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05935 ngày 10/11/2020 Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, bà Trần Thị Đ được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 11.554.374 đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng).

- Buộc bị đơn bà Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 16.625.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận là 13.054.373 đồng (Mười ba triệu không trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng). Tổng cộng bà Trần Thị V phải chịu án phí sơ thẩm là 29.679.373 đồng (Hai mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng). Xác nhận bà Trần Thị V đã nộp 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai nộp tiền số AA/2012/05979

ngày 25/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn. Bà Trần Thị Vphải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.179.373 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng).

4. Về án phí phúc thẩm: Trả lại cho bà Trần Thị V số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0001036 ngày 13/7/2021 Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận việc bà Trần Thị V tự nguyện chịu nghĩa vụ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Bà Trần Thị V đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến

